

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN
Năm học 2022-2023

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I
MÔN NGỮ VĂN 6
Thời gian: 90 phút
Ngày kiểm tra: 26/12/2022

MÃ ĐỀ 601

Phần 1. ĐỌC – HIỂU (6.0 điểm).

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

Quê hương

(Nguyễn Đình Huân)

Quê hương là một tiếng ve
Lời ru của mẹ trưa hè à ơi.
Dòng sông con nước đầy vui
Quê hương là một góc trời tuổi thơ.

Quê hương là phiên chợ quê
Chợ trưa mong mẹ mang về bánh đa.
Quê hương là một tiếng gà
Bình minh gáy sáng ngân nga xóm làng.

Quê hương ngày ấy như mơ
Tôi là cậu bé dại khờ đáng yêu.
Quê hương là tiếng sáo diều
Là cánh cò trắng chiều chiều chân đê.

Quê hương là cánh đồng vàng
Hương thơm lúa chín mênh mang trời chiều.
Quê hương là dáng mẹ yêu
Áo nâu nón lá liêu xiêu đi về.

Trả lời các câu hỏi từ 1 đến 8 bằng cách chọn một đáp án đúng nhất và ghi vào giấy kiểm tra.

Câu 1. Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?

- A. Thơ tự do. B. Thơ bốn chữ. C. Thơ lục bát. D. Thơ năm chữ.

Câu 2. Phương thức biểu đạt chính của bài thơ là:

- A. tự sự. B. miêu tả. C. biểu cảm. D. nghị luận.

Câu 3. Những tiếng nào được gieo vần với nhau trong khổ thơ đầu của bài thơ?

- A. ve - hè. B. ve - ơi. C. vui - thơ. D. ơi – nước.

Câu 4. Dòng nào dưới đây gồm các từ láy được tác giả sử dụng trong bài?

- A. Chiều chiều, ngân nga, liêu xiêu. B. Chiều chiều, liêu xiêu, mênh mang.
C. Bình minh, ngân nga, mênh mang. D. Ngân nga, liêu xiêu, mênh mang.

Câu 5. Trong hai câu thơ: “Quê hương là dáng mẹ yêu

Áo nâu nón lá liêu xiêu đi về” có cụm động từ là

- A. Quê hương. B. Áo nâu nón lá. C. Dáng mẹ yêu. D. Liêu xiêu đi về.

Câu 6. Biện pháp tu từ nào được sử dụng chủ yếu trong bài thơ?

- A. So sánh. B. Nhân hóa. C. Điệp ngữ. D. Ẩn dụ.

Câu 7. Hình ảnh không được nhắc tới trong bài thơ là:

- A. dòng sông. B. rặng tre. C. cánh đồng. D. cánh cò.

Câu 8. Nội dung chính của bài thơ là gì?

- A. Bức tranh tươi sáng, sinh động về một làng quê ven biển.
B. Vẻ đẹp bình dị chốn quê hương Bắc bộ.
C. Nỗi nhớ da diết, sự gắn bó thủy chung, tình yêu quê hương sâu nặng của tác giả.
D. Mong muốn được quay trở về với cuộc sống ở làng quê của tác giả.

Câu 9 (2.0 điểm). Tìm và nêu tác dụng của một biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ sau.

*“Quê hương ngày ấy như mơ
Tôi là cậu bé dại khờ đáng yêu
Quê hương là tiếng sáo diều
Là cánh cò trắng chiều chiều chân đê”*

Câu 10 (2.0 điểm). Qua văn bản, tác giả muốn gửi gắm thông điệp gì? Từ đó, em hãy rút ra bài học cho bản thân.

PHẦN II: VIẾT (4,0 điểm).

Viết đoạn văn (khoảng 12 đến 15 câu) trình bày cảm nhận của em về bài thơ trên.

Chúc các em làm bài tốt!

MÃ ĐỀ 601

Phần I: Đọc hiểu (6 điểm)

Trắc nghiệm 2 điểm

Mỗi câu trả lời đúng được 0.25 điểm

Câu	1. C	2. C	3. A	4. D	5. D	6. C	7. B	8. C
-----	------	------	------	------	------	------	------	------

Câu 9	- HS chọn một trong các biện pháp tu từ sau: + Điệp ngữ “quê hương” + So sánh: “ <i>Quê hương ngày ấy như mơ</i> ” (HS chỉ được biện pháp tu từ 0.5 điểm) - Tác dụng: + Nhấn mạnh hình ảnh của quê hương trong lòng tác giả. + Thể hiện tình yêu, nỗi nhớ của tác giả dành cho quê hương.	1 đ 1 đ
Câu 10	HS đưa ra được thông điệp mà tác giả gửi gắm qua bài thơ: Thể hiện tình yêu, nỗi nhớ, niềm tự hào về quê hương đất nước. HS rút ra được bài học cho bản thân.	1 đ 1 đ

Phần II: Viết (4 điểm)

a. Đảm bảo cấu trúc của đoạn văn.	0.25 đ
b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Biểu cảm về một bài thơ năm chữ.	0.25 đ
c. Bộc lộ cảm xúc về bài thơ năm chữ: HS có thể triển khai mạch bài theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: - Giới thiệu khái quát được nội dung chính của bài thơ. - Bộc lộ được cảm xúc chung, khái quát về toàn bộ bài thơ. - Bộc lộ được cảm xúc về nội dung của bài thơ. - Bộc lộ được cảm xúc về một trong số những yếu tố nghệ thuật đặc sắc nhất của bài thơ. - Nêu được ý nghĩa, thông điệp của bài thơ.	3 đ
d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả ngữ pháp tiếng Việt.	0.25 đ
e. Sáng tạo: Đoạn văn viết mượt mà, câu từ diễn đạt hay	0.25 đ

**UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN**

Năm học 2022-2023

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I
MÔN NGỮ VĂN 6**

Thời gian: 90 phút

Ngày kiểm tra: 26/12/2022

MÃ ĐỀ 602

Phần 1. ĐỌC – HIỂU (6.0 điểm):

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

Tiếng ru

(Tố Hữu)

Con ong làm mật, yêu hoa
Con cá bơi, yêu nước; con chim ca, yêu trời.
Con người muôn sống, con ơi
Phải yêu đồng chí, yêu người anh em.

Núi cao bởi có đất bồi
Núi chề đất thấp núi ngòi ở đâu?
Muôn dòng sông đổ biển sâu
Biển chề sông nhỏ, biển đâu nước còn?

Một ngôi sao chẳng sáng đêm
Một thân lúa chín, chẳng nên mùa vàng.
Một người – đâu phải nhân gian?
Sống chẳng, một đốm lửa tàn mà thôi!

Tre già yêu lấy măng non
Chắt chiu như mẹ yêu con tháng ngày.
Mai sau con lớn hơn thày
Các con ôm cả hai tay đất tròn.

Trả lời các câu hỏi từ 1 đến 8 bằng cách chọn một đáp án đúng nhất và ghi vào giấy kiểm tra.

Câu 1. Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?

- A. Thơ tự do. B. Thơ lục bát. C. Thơ bốn chữ. D. Thơ năm chữ.

Câu 2. Phương thức biểu đạt chính của bài thơ là:

- A. tự sự. B. miêu tả. C. nghị luận. D. biểu cảm.

Câu 3. Những tiếng nào được gieo vần với nhau trong khổ thơ thứ ba?

- A. bồi - đâu. B. bồi – ngòi. C. đâu - đổ. D. sâu - còn.

Câu 4. Tìm cụm danh từ có trong đoạn thơ sau:

*“Một người – đâu phải nhân gian?
Sống chẳng, một đốm lửa tàn mà thôi!”*

- A. Người. B. Nhân gian. C. Sống chẳng. D. Một đốm lửa tàn.

Câu 5. Theo tác giả, con người phải yêu lấy thứ gì?

- A. Yêu muôn loài thú. B. Yêu đồng chí, người anh em.
C. Yêu bản thân mình. D. Yêu quê hương.

Câu 6. Biện pháp tu từ nào được sử dụng chủ yếu trong khổ thơ thứ ba của bài thơ?

- A. So sánh. B. Nhân hóa. C. Điệp ngữ. D. Ẩn dụ.

Câu 7. Các hình ảnh được nhắc tới trong bài thơ là:

- A. Ngôi sao, mùa vàng, sông núi. B. Ngôi sao, tre già, cây đa.
C. Con cá, con ong, con bướm. D. Mẹ già, trẻ em, đồng chí.

Câu 8. Nội dung chính của bài thơ là gì?

- A. Gọi nhắc chúng ta cần phải biết yêu thương, đùm bọc lẫn nhau.
B. Tất cả con người, sự vật phải biết yêu thương nơi họ sinh sống.
C. Con người sống trong cộng đồng phải biết yêu thương anh em, đồng chí.
D. Tất cả con người, sự vật phải biết yêu thương những thứ nuôi sống họ.

Câu 9 (2.0 điểm). Tìm và nêu tác dụng của một biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ sau.

*“Con ong làm mật, yêu hoa
Con cá bơi, yêu nước; con chim ca, yêu trời.
Con người muốn sống, con ơi
Phải yêu đồng chí, yêu người anh em.”*

Câu 10 (2.0 điểm). Qua văn bản, tác giả muốn gửi gắm thông điệp gì? Từ đó, em hãy rút ra bài học cho bản thân.

PHẦN II: VIẾT (4,0 điểm).

Viết đoạn văn (khoảng 12 đến 15 câu) trình bày cảm nhận của em về bài thơ trên.

Chúc các em làm bài tốt!

MÃ ĐỀ 602

Phần I: Đọc hiểu (6 điểm)

Trắc nghiệm 2 điểm

Mỗi câu trả lời đúng được 0.25 điểm

Câu	1. B	2. D	3. B	4. D	5. B	6. B	7. A	8. A
-----	------	------	------	------	------	------	------	------

Câu 9	- HS chọn một trong các biện pháp tu từ sau: + Điệp ngữ “Con”, Điệp cấu trúc “Con ... yêu ...” + Nhân hóa: “Con ong yêu hoa, con cá yêu nước, con chim yêu trời” + Liệt kê: con ong, con cá, con chim, con người - Tác dụng: + Nhấn mạnh các loài sinh vật muôn tồn tại và phát triển phải gắn bó với môi trường mình sống. + Nhắc nhở con muốn sống cần phải đoàn kết, đùm bọc lẫn nhau.	1 điểm
	Câu 10	HS đưa ra được thông điệp mà tác giả gửi gắm qua bài thơ: Sống để yêu thương, tự nguyện sống hoà nhập, gắn bó cá nhân với cộng đồng. HS rút ra được bài học cho bản thân.

Phần II: Viết (4 điểm)

a. Đảm bảo cấu trúc của đoạn văn.	0.25 điểm
b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Biểu cảm về một bài thơ lục bát.	0.25 điểm
c. Bộc lộ cảm xúc về bài thơ lục bát: HS có thể triển khai mạch bài theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: - Giới thiệu khái quát được nội dung chính của bài thơ. - Bộc lộ được cảm xúc chung, khái quát về toàn bộ bài thơ. - Bộc lộ được cảm xúc về nội dung của bài thơ. - Bộc lộ được cảm xúc về một trong số những yếu tố nghệ thuật đặc sắc nhất. - Nêu được ý nghĩa, thông điệp của bài thơ.	3 điểm 0.25 điểm 0.25 điểm
d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả ngữ pháp tiếng Việt.	
e. Sáng tạo: Đoạn văn viết mượt mà, câu từ diễn đạt hay	

MÃ ĐỀ 603

Phần 1. ĐỌC – HIỂU (6.0 điểm):

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

1. Công cha như núi ngất trời
Nghĩa mẹ như nước ở ngoài biển đông
Núi cao biển rộng mênh mông
Cù lao chín chữ ghi lòng con ơi.

2. Đố ai đếm được lá rừng
Đố ai đếm được mây từng trời cao
Đố ai đếm được vì sao
Đố ai đếm công lao mẹ thầy.

(*Tuyển tập ca dao Việt Nam – Mã Giang Lân – NXB Văn học 2020*)

Trả lời các câu hỏi từ 1 đến 8 bằng cách chọn một đáp án đúng nhất và ghi vào giấy kiểm tra.

Câu 1. Những bài ca dao trên thuộc thể thơ nào?

- A. Thơ lục bát. B. Thơ bốn chữ. C. Thơ tự do. D. Thơ năm chữ.

Câu 2. Phương thức biểu đạt chính của các bài ca dao là:

- A. Tự sự. B. Miêu tả. C. Nghị luận. D. Biểu cảm.

Câu 3. Những tiếng nào được gieo vần với nhau trong bài ca dao số 2?

- A. Rừng- từng. B. cao - thầy. C. rừng – cao. D. sao - thầy.

Câu 4. Từ nào dưới đây là từ láy được tác giả sử dụng trong bài?

- A. Biển đông. B. Mênh mông. C. ngất trời. D. Ghi lòng.

Câu 5. Chủ đề của hai bài ca dao trên là:

- A. Tình cảm thầy trò. B. Tình yêu quê hương.
C. Tình cảm gia đình. D. Tình yêu đôi lứa.

Câu 6. Biện pháp tu từ nào được sử dụng bài ca dao số 1?

- A. So sánh. B. Điệp ngữ C. Nhân hóa. D. Hoán dụ

Câu 7. Những hình ảnh thiên nhiên nào được nhắc tới trong các bài ca dao?

- A. Cù lao, nghĩa mẹ, lá rừng, núi cao. B. Núi cao, biển rộng, sông dài, vì sao.
C. Núi cao, biển rộng, vì sao, cù lao, lá rừng. D. Lá rừng, vì sao, công ơn.

Câu 8. Nội dung chính của hai bài ca dao là:

- A. Hình ảnh của cha mẹ được so sánh với thiên nhiên.
- B. Ca ngợi tình cảm cha mẹ bao la, rộng lớn.
- C. Ca ngợi trách nhiệm nặng nề của người lớn.
- D. Diễn tả nỗi xúc động, bồi hồi của tác giả.

Câu 9 (2.0 điểm). Tìm và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong bài ca dao số 1.

Câu 10 (2.0 điểm). Qua các bài ca dao, dân gian muốn gửi gắm thông điệp gì? Từ đó, em hãy rút ra bài học cho bản thân.

Phần 2. VIẾT (4.0 điểm).

Viết đoạn văn (khoảng 12 đến 15 câu) trình bày cảm nhận của em về bài ca dao số 1.

Chúc các em làm bài tốt!

BGH DUYỆT

TTCM DUYỆT

GV RA ĐỀ

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Nguyễn Thùy Dung